

Số: 01/2010/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 4 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số: 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Xét Tờ trình số: 13/TTr-UBND ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là các cơ quan, đơn vị, tổ chức) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

I. Quy định chung về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Nguyên tắc phân cấp

a) Phân cấp quản lý sử dụng tài sản nhà nước nhằm đảm bảo quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm từng cơ quan, đơn

vị, tổ chức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao; việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với thực tế yêu cầu công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hiện nay của tỉnh Thái Nguyên.

b) Tài sản được đầu tư, trang bị, mua sắm phải sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện công khai, minh bạch. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

c) Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, đơn vị; đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải quản lý, sử dụng, báo cáo theo đúng các văn bản của Trung ương và quy định của tỉnh Thái Nguyên, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình.

đ) Chỉ phân cấp đối với những nội dung mà Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008 và Nghị định số: 52/2008/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định phải phân cấp, những nội dung khác thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng, phạm vi áp dụng

a) Đối tượng áp dụng: Tài sản được hình thành từ các nguồn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật, giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng, bao gồm:

- Đất đai, quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức;

- Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;

- Phương tiện giao thông vận tải;

- Máy móc thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị làm việc;

- Các tài sản khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Phạm vi áp dụng:

02

- Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn (UBND cấp xã).

- Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

c) Đối với việc quản lý tài sản của các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn thực hiện theo quy định của Chính phủ, không thuộc phạm vi áp dụng tại quy định này.

II. Quy định cụ thể về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua tài sản là ô tô phục vụ công tác, mua ô tô chuyên dùng theo qui định của Thủ tướng Chính phủ; mua trụ sở gắn liền với quyền sử dụng đất; mua sắm tài sản khác có giá trị trên 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị tài sản hoặc mua sắm nhiều tài sản mà trong đó có 1 tài sản có giá trị trên 1.000.000.000 đồng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, đoàn thể, cơ quan thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản không thuộc điểm a khoản này, được mua tài sản có giá trị không quá 1.000.000.000 đồng cho một đơn vị tài sản hoặc nhiều tài sản mà trong đó có 1 tài sản có giá trị không quá 1.000.000.000 đồng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp mình quản lý.

c) Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản không thuộc điểm a, điểm b, khoản này có giá trị dưới 500.000.000 đồng.

2. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý. Giá trị một lần thuê trên 200.000.000 đồng.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý quyết định thuê tài sản không thuộc điểm a khoản này (không phải là trụ sở làm việc) có giá trị một lần thuê không quá 200.000.000 đồng.

b) Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Ủy ban nhân

dân cấp huyện quản lý không thuộc điểm a khoản này có giá trị một lần thuê không quá 200.000.000 đồng.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc gắn liền với quyền sử dụng đất; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá trên 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản không thuộc điểm a khoản này của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản không thuộc điểm a, điểm b khoản này của các cơ quan, đơn vị (kể cả cấp xã) thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

4. Thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc gắn liền với quyền sử dụng đất; ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá trên 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản không thuộc điểm a, khoản này trong các trường hợp sau:

- Giữa các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc).

- Từ cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh quản lý sang cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện quản lý và ngược lại.

- Từ cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện này sang cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện khác.

c) Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản không thuộc điểm a, điểm b khoản này giữa các đơn vị thuộc cấp mình quản lý.

5. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản là nhà cửa, trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá trên 1.000.000.000 đồng cho một đơn vị tài sản hoặc một lần bán nhiều tài sản mà trong lần đó có 01 tài sản có nguyên giá từ trên 1.000.000.000 đồng của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản không thuộc điểm a khoản này có giá trị nguyên giá không quá 1.000.000.000 đồng hoặc một lần bán nhiều tài sản mà trong lần đó có 01 tài sản có nguyên giá không quá 1.000.000.000 đồng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản không thuộc điểm a khoản này có giá trị nguyên giá không quá 500.000.000 đồng hoặc một lần bán nhiều tài sản mà trong lần đó có 01 tài sản có nguyên giá không quá 500.000.000 đồng của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp mình quản lý.

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác quyết định bán tài sản không thuộc điểm a, điểm b, điểm c khoản này có nguyên giá không quá 200.000.000 đồng thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức mình quản lý.

6. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản là trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất; xe ô tô các loại; nhà cửa vật kiến trúc không gắn với quyền sử dụng đất và các tài sản khác có nguyên giá trên 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị tài sản hoặc thanh lý nhiều tài sản một lần nhưng trong lần đó có một tài sản có nguyên giá trên 1.000.000.000 đồng của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà cửa vật kiến trúc của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức không gắn với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản khác có nguyên giá từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị tài sản hoặc thanh lý nhiều tài sản một lần nhưng trong lần đó có 01 tài sản có nguyên giá từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.

c) Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản không thuộc điểm a, điểm b khoản này có giá trị dưới 500.000.000 đồng do cấp mình quản lý.

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức còn lại quyết định thanh lý tài sản không thuộc điểm a, điểm b, điểm c khoản này có giá trị không quá 200.000.000 đồng thuộc quyền quản lý.

7. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước

a) Đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức phải tiêu hủy: Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản thì cơ quan đó có quyền quyết định tiêu hủy tài sản.

b) Đối với tài sản tịch thu và tài sản của các vụ án phải tiêu huỷ, thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện nghị quyết này. Hàng năm báo cáo HĐND tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo qui định.

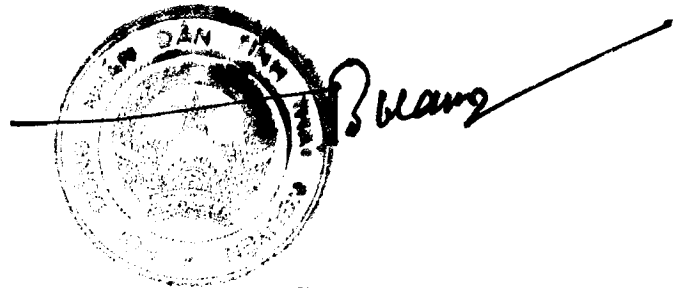
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI kỳ họp chuyên đề lần thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2010./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- TT Tỉnh uỷ;
- UBMTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XI;
- Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Đ/c LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Thái Nguyên; TT Công báo tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Các CV Phòng công tác HĐND;
- Lưu: VP, VT- TH HĐND. *th*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vượng